

Số 2887/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 30 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống
thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1041/TTr-TNMT ngày 29/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà: Trần Thị Khôi - Cư trú tại bản Cánh Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 150.360.878 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:



- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Trần Thị Khôi có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

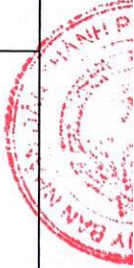


Đỗ Văn Xiêng



PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ BỔ SUNG**Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu***(Kèm theo Quyết định số: 2887 /QĐ-UBND, ngày 30 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)*

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=4*5	
3	Hộ gia đình bà Trần Thị Khơi					
	Địa chỉ: bản Cắng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)					150.360.878
a	Về đất				27.287.500	
1	Diện tích thu hồi	m ²	737,5			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	737,5	37.000	27.287.500	
	Vị trí (VT1) (KV1)					
	<p>Nguồn gốc: Gia đình bị thu hồi 02 thửa đất tổng diện tích thu hồi 737,5 m² (diện tích thu hồi có sự sai số so với bản đồ địa chính) gồm các thửa 737, 738; tờ BĐ số 120 (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án) có nguồn gốc cụ thể như sau:</p> <p>- Thửa đất số 737, tờ BĐ số 120 diện tích thu hồi 627,3 m², trong đó: + Diện tích 550,9 m² của thửa đất số 66, 71, 72, 74; tờ bản đồ số 120 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BM089179 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 16/10/2013 mang tên bà Trần Thị Khơi. + Diện tích 50,6 m² của thửa đất số 65, 73, 75; tờ bản đồ số 120 thông tin theo bản đồ địa chính đang thể hiện loại đất BCS do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do bà Trần Thị Khơi đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do bố là ông Trần A Ny khai hoang sử dụng đất trồng lúa từ năm 1993 sau đó tặng cho con (không có giấy tờ cho tặng). Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</p> <p>- Thửa đất số 738, tờ BĐ số 120 diện tích thu hồi 110,2 m², trong đó: + Diện tích 96,7 m² của thửa đất số 725, tờ bản đồ số 120 thông tin theo bản đồ địa chính đang thể hiện loại đất DTL do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do bà Trần Thị Khơi đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do ông Trần A Ny khai hoang sử dụng đất trồng lúa từ năm 1993 sau đó tặng cho con (không có giấy tờ cho tặng). Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</p> <p>Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.</p>					
b	Tài sản vật kiến trúc				10.731.798	
	<p>Tài sản do ông Trần A Ny tạo lập năm 2006 sau khi tặng cho quyền sử dụng đất đồng thời tặng cho cả tài sản gắn liền với đất. Tài sản phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (bồi thường bằng 100% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</p>					
1	Kè đá xếp khan (1,4*0,6*7,5) (kè giữ đất)	m ³	6,3	141.900	893.970	
2	Hào đào thủ công (1,4*7,5*2)	m ³	21	82.500	1.732.500	
3	Kè đá xếp khan (1,7*0,6*56) (kè giữ đất)	m ³	57,12	141.900	8.105.328	
c	Cây trồng, vật nuôi				3.191.580	





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Cây lấy gỗ D 10-25 cm	Cây	1,0	42.000	42.000
2	Cây Xoan D 35, H5m: 2 cây	m ³	1,0	480.000	461.580
3	Sản lượng lúa 600m*5,6 tấn/ha/năm	kg	336,0	8.000	2.688.000
d	Chính sách hỗ trợ				109.150.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	737,5	148.000	109.150.000



